

Bình Tây, ngày 31 tháng 12 năm 2025

**BÁO CÁO CÔNG KHAI**  
**THEO THÔNG TƯ 09/2024/TT-BGDĐT NGÀY 03/6/2024 CỦA BỘ GIÁO DỤC**  
**VÀ ĐÀO TẠO - NĂM HỌC 2025-2026**

**I. THÔNG TIN CHUNG:**

1. **Tên trường:** Trường Trung học cơ sở Hoàng Lê Kha

2. **Địa chỉ:** 383- 391 Bến Phú Lâm, Phường Bình Tây, TPHCM.

Số điện thoại: 02866810197

Website: <https://thcsHoangLeKha.hcm.edu.vn/>

Email: [thcsHoangLeKha.q6@hcm.edu.vn](mailto:thcsHoangLeKha.q6@hcm.edu.vn)

3. **Loại hình, Chức năng, nhiệm vụ:**

Loại hình: Công lập

Cơ quan quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân Phường Bình Tây.

Giáo dục phổ thông bậc Trung học cơ sở và thực hiện công tác phổ cập trung học cơ sở tại đơn vị phường Bình Tây, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. **Mục tiêu giáo dục:**

Xây dựng và duy trì trường THCS Hoàng Lê Kha trở thành đơn vị tiên tiến xuất sắc, tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng học sinh giỏi và tỷ lệ trúng tuyển vào lớp 10 THPT; Coi trọng giáo dục truyền thống, nhân cách và kỹ năng sống, tăng cường nề nếp, kỷ cương, ý thức, trách nhiệm của công dân đối với xã hội, cộng đồng học sinh; Nâng cao lý tưởng, tinh thần trách nhiệm và năng lực nghề nghiệp của đội ngũ theo yêu cầu chuẩn nghề nghiệp; Đẩy mạnh phong trào thi đua “dạy tốt, học tốt”.

Nơi các em được phát triển đúng đắn và bền vững về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng sống cơ bản; có học vấn phổ thông ở trình độ cơ sở và những hiểu biết ban đầu về kỹ thuật và hướng nghiệp để tiếp tục học THPT hoặc học nghề.

Phát huy thành quả phong trào thi đua đồng hành với các giá trị cơ bản của nhà trường là “Nhân Ái - Trách Nhiệm - Hợp Tác - Sáng Tạo”

5. **Quá trình thành lập và phát triển:**

❖ **Quá trình thành lập:**

Trường trung học cơ sở Hoàng Lê Kha được thành lập và đi vào hoạt động từ năm học 2010 - 2011 theo quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 11/5/2010 của Ủy ban nhân dân Quận 6.

Đến Tháng 7/2025 Trường trung học cơ sở Hoàng Lê Kha được thành lập theo quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Phường Bình Tây về việc thành lập Trường THCS Hoàng Lê Kha trực thuộc Ủy ban nhân dân

phường Bình Tây theo mô hình chính quyền hai cấp.

Trường Trung học cơ sở Hoàng Lê Kha được khởi công xây dựng tại số 383-391 Bến Phú Lâm phường 9 quận 6 trên diện tích đất 3.704m<sup>2</sup>, diện tích sàn xây dựng 4.322m<sup>2</sup> gồm 1 trệt 3 lầu, trong đó diện tích xây dựng khối nhà chính 4.322m<sup>2</sup> với tổng vốn đầu tư 56.803.980.000 đồng từ nguồn vốn ngân sách thành phố, do Ban Quản lý Dự án khu vực đầu tư xây dựng quận 6 làm chủ đầu tư và đơn vị trúng thầu xây dựng là Công ty TNHH xây dựng Lưu Nguyễn, với năng lực thiết kế là 21 phòng học và các phòng chức năng phục vụ giảng dạy học tập cho các em trên địa bàn quận 6.

Tuy là địa bàn trung tâm nhưng vẫn còn nhiều hộ nghèo, khó khăn, làm thuê không ổn định, do vậy nhiều phụ huynh chưa có điều kiện quan tâm đến việc học tập của con em, bên cạnh đó nhiều hộ có kinh tế khá giả, song lại tập trung vào làm ăn nên chưa quan tâm đúng mức, đúng cách. Điều đang lo ngại là tỷ lệ học sinh có cha mẹ không hòa thuận khá cao nên ảnh hưởng nhiều đến chất lượng học tập và đời sống tâm lý của các em.

Thiếu nhà thi đấu đa năng nên cũng ảnh hưởng một phần nào đến chất lượng giáo dục thể chất của nhà trường.

#### ♦ Quá trình phát triển:

Đề nâng cao chất lượng giáo dục, ngay từ năm học nhà trường xây dựng kế hoạch tập trung cho việc phụ đạo học sinh yếu kém; bồi dưỡng học sinh giỏi; tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, học sinh tiên tiến hàng năm đều tăng, trong nhiều năm liền nhà trường luôn có học sinh giỏi cấp Thành phố, cấp Quận, các phong trào thi đua cũng đạt được những thứ hạng cao trong thành phố.

Việc giáo dục đạo đức học sinh cũng được đặc biệt quan tâm. Nhà trường chú trọng giáo dục đạo đức học sinh thông qua thái độ tận tụy với nghề, tình thương yêu và tôn trọng học sinh của thầy, cô kết hợp với nội dung cuộc vận động "*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*". Bên cạnh đó, việc quản lý nề nếp trật tự kỷ luật học sinh còn được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ bởi đội ngũ Quản sinh vốn là các thầy cô có kinh nghiệm giáo dục và có uy tín đối với học sinh và CMHS, uốn nắn và đưa vào nề nếp ngay từ khi vào trường.

Công tác bồi dưỡng đội ngũ cũng được quan tâm và thực hiện thường xuyên, với mục tiêu "***Đổi mới sáng tạo trong dạy học***". Cùng với việc thực hiện "*Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục*" và các cuộc vận động của ngành, nhà trường còn khuyến khích và tạo điều kiện cho viên chức nâng cao trình độ bằng nhiều hình thức, như: *Tự học, đi học nâng cao, dự các lớp tập huấn ngắn ngày, hoặc tổ chức các buổi hội thảo chuyên đề, dự giờ, sinh hoạt tổ chuyên môn...* Bên cạnh đó công việc của từng thành viên trong nhà trường đều được quy chế hóa bằng văn bản nhằm công khai để người có trách nhiệm giám sát đồng thời cũng tạo điều kiện để các thành viên hiểu biết, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong công việc, qua đó, xây dựng một tập thể đoàn kết, có tinh thần trách nhiệm, nắm vững chuyên môn - nghiệp vụ và gắn bó với nghề.

#### 6. Thông tin người đại diện pháp luật; người phát ngôn hoặc người đại diện:

Người đại diện pháp luật: Trần Quốc Đạt - Chức vụ: Hiệu trưởng  
 Địa chỉ nơi làm việc: 383- 391 Bến Phú Lâm, Phường Bình Tây, TPHCM.  
 Số điện thoại: 0982224338  
 Email: tranquocdat.dk@gmail.com

## 7. Tổ chức bộ máy

### 7.1. Quyết định thành lập trường:

Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 11/5/2010 của ủy ban nhân dân Quận 6  
 Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 01/7/2026 của Ủy ban nhân dân Phường  
 Bình Tây

### 7.2. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng: Quyết định số 63/QĐ-UBND, ngày 11/7/2025 về việc bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng Trường THCS Hoàng Lê Kha.

Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng: Quyết định số 53/QĐ-UBND, ngày 11/7/2025 về việc bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường THCS Hoàng Lê Kha.

### 7.3. Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy.

- Cơ chế hoạt động của trường THCS Hoàng Lê Kha

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền.

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước.

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh.

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường:

Địa điểm trường có vị trí địa lý thuận lợi, giao thông thuận tiện, khung cảnh

đẹp, có điều kiện để xây dựng trường trở thành một trường THCS trọng điểm.

Trường THCS Hoàng Lê Kha là cơ sở giáo dục trung học cơ sở (THCS) của hệ thống giáo dục quốc dân, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND Phường Bình Tây.

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.
- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.
- Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý học sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.
- Tổ chức cho GV, NV và HS tham gia các hoạt động XH.
- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.
- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.
- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục (HĐGD); bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

#### **Sơ đồ tổ chức bộ máy giáo dục**

- 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.
- 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
- Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
- Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 28 đảng viên.
- Tổ chức Công đoàn có 72 công đoàn viên.

**Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Thư điện tử
1	Trần Quốc Đạt	Hiệu trưởng	0982224338	tranquocdat.dk@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: 383- 391 Bến Phú Lâm, Phường Bình Tây, TPHCM

Số điện thoại: 02866810197

Các văn bản khác của nhà trường:

- Chiến lược phát triển nhà trường: Kế hoạch 53/KH-THCS.HLK, ngày 20/6/2025 của Trường THCS Hoàng Lê Kha về việc thực hiện chiến lược phát triển giáo dục Trường THCS Hoàng Lê Kha từ nay đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Quy chế dân chủ nhà trường: Quyết định số 168/QĐ-THCS.HLK, ngày 10/11/2025 về việc ban hành quy chế dân chủ cơ sở

- Quy chế đổi thoại nhà trường: Quyết định số 170/QĐ-THCS.HLK, ngày 10/11/2025 về việc ban hành quy chế đổi thoại.

## II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Ban Giám hiệu có năng lực quản lý, có tầm nhìn chiến lược, lập trường tư tưởng vững vàng. Hiệu quả công tác quản lý nhà trường đạt kết quả cao.

Đội ngũ giáo viên đã được trẻ hoá, đảm bảo về trình độ chuyên môn đề cơ cấu giảng dạy các môn học. Phần lớn giáo viên có năng lực chuyên môn vững vàng, nhiều giáo viên nhiệt tình, tâm huyết, say chuyên môn. Tập thể cán bộ giáo viên có tinh thần đoàn kết, có ý thức phấn đấu vươn lên trong giảng dạy, có tinh thần đấu tranh phê và tự phê tốt, có tinh thần cầu tiến.

Đội ngũ nhân viên thạo việc, tự giác thực hiện nhiệm vụ được giao.

Nhà trường luôn quan tâm hàng đầu công tác xây dựng chất lượng đội ngũ; Coi việc nâng cao chất lượng đội ngũ là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường theo kịp xu hướng.

Đội ngũ CBQL, giáo viên và nhân viên THCS Hoàng Lê Kha - Đầu năm - Năm học 2025- 2026 cụ thể:



3	Thủ quỹ	1		1										
4	Nhân viên y tế	1			1									
5	Nhân viên thư viện	1		1										
6	Nhân viên CNTT	1		1										
7	Nhân viên thiết bị	1		1										

### III. Cơ sở vật chất

Nhà trường có hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tương đối hoàn chỉnh và đồng bộ; các phương tiện làm việc ở các phòng học bộ môn, thư viện và các phòng chức năng được trang bị khá đầy đủ, phục vụ tốt cho việc dạy học, quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục khác. Nhà trường lên kế hoạch sửa chữa bổ sung, nâng cấp kịp thời nếu xảy ra hư hỏng. Khu vệ sinh được bố trí hợp lý theo từng khu vực học tập của học sinh và làm việc của giáo viên.

Trường có tường rào, biển trường, cổng trường (cổng 1, cổng 2). Khuôn viên nhà trường rộng, đẹp, nhiều cây xanh thoáng mát tạo thuận lợi cho học sinh vui chơi.

Thông tin cơ sở vật chất của THCS Hoàng Lê Kha- Năm học 2025-2026 cụ thể:

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
<b>I</b>	<b>Số phòng học</b>	31	
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>		
1	Phòng học kiên cố	31	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	5	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	
7	Bình quân lớp/phòng học	31/31	
8	Bình quân học sinh/lớp	45	
<b>III</b>	<b>Số điểm trường</b>	1	
<b>IV</b>	<b>Tổng số diện tích đất (m<sup>2</sup>)</b>	3.704 m <sup>2</sup>	
<b>V</b>	<b>Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m<sup>2</sup>)</b>	1080 m <sup>2</sup>	4.1 m <sup>2</sup>
<b>VI</b>	<b>Tổng diện tích các phòng</b>		
1	Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )	56m <sup>2</sup>	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m <sup>2</sup> )	64 m <sup>2</sup>	
3	Diện tích thư viện (m <sup>2</sup> )	60	

4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m <sup>2</sup> )	0	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m <sup>2</sup> )	28 m <sup>2</sup>	
<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu</b> (Đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	1235	
1.1	Khối lớp 6	980	
1.2	Khối lớp 7	95	
1.3	Khối lớp 8	85	
1.4	Khối lớp 9	75	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6		
2.2	Khối lớp 7		
2.3	Khối lớp 8		
2.4	Khối lớp 9		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	1	
4	...		
<b>VIII</b>	<b>Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập</b> (Đơn vị tính: bộ)	42	
<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị dùng chung khác</b>		
1	Ti vi	3	
2	Cát xét	4	
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	7	
5	Nhạc cụ	0	
6	Ti vi tương tác	0	

	Nội dung	Số lượng (m <sup>2</sup> )
<b>X</b>	<b>Nhà bếp</b>	1
<b>XI</b>	<b>Nhà ăn</b>	1

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	31	900	2.15 m <sup>2</sup> /1 chỗ
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m <sup>2</sup> /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		0.2 m <sup>2</sup>
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVII I	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

\* Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Lớp 6

TT	Tên sách	Tên Tổng chủ biên/ Chủ biên	Bộ sách
1	Ngữ văn 6 Tập 1	Nguyễn Thị Hồng Nam (Chủ biên), Trần Lê Duy, Nguyễn Thị Ngọc Diệp, Nguyễn Thị Minh Ngọc, Nguyễn Thành Thi, Nguyễn Thị Ngọc Thuy	Chân trời sáng tạo (Nxb Giáo dục Việt Nam)

2	Ngữ văn 6 Tập 2	Nguyễn Thị Hồng Nam (Chủ biên), Trần Lê Duy, Dương Thị Hồng Hiếu, Phan Mạnh Hùng, Nguyễn Thị Minh Ngọc, Trần Tiến Thành, Nguyễn Thành Thi, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Lê Quang Trường	Chân trời sáng tạo (Nxb Giáo dục Việt Nam)
3	Toán 6 Tập 1	Trần Nam Dũng, Bùi Văn Nghị (đồng Tổng chủ biên), Vũ Quốc Chung, Trần Đức Huyền (đồng Chủ biên), Nguyễn Cam, Nguyễn Hắc Hải, Nguyễn Văn Hiến, Chu Thu Hoàn, Lê Văn Hồng, Đặng Thị Thu Huệ, Ngô Hoàng Long, Dương Bửu Lộc, Trần Luận, Huỳnh Ngọc Thanh, Chu Cẩm Thơ, Phạm Thị Diệu Thùy, Nguyễn Đăng Trí Tín	Chân trời sáng tạo (Nxb Giáo dục Việt Nam)
4	Toán 6 Tập 2	Trần Nam Dũng, Bùi Văn Nghị (đồng Tổng chủ biên), Vũ Quốc Chung, Trần Đức Huyền (đồng Chủ biên), Nguyễn Cam, Nguyễn Hắc Hải, Nguyễn Văn Hiến, Chu Thu Hoàn, Lê Văn Hồng, Đặng Thị Thu Huệ, Ngô Hoàng Long, Dương Bửu Lộc, Trần Luận, Huỳnh Ngọc Thanh, Chu Cẩm Thơ, Phạm Thị Diệu Thùy, Nguyễn Đăng Trí Tín	Chân trời sáng tạo (Nxb Giáo dục Việt Nam)
5	Giáo dục công dân 6	Đinh Phương Duy, Đào Thị Ngọc Minh, Huỳnh Văn Sơn (đồng Chủ biên), Đào Lê Hòa An, Trần Tuấn Anh, Đào Thị Hà, Lưu Thị Thu Hà, Ngô Thái Hà, Nguyễn Thị Bích Hồng, Tiêu Thị Mỹ Hồng, Đỗ Công Nam, Vũ Thị Thanh Nga	Chân trời sáng tạo (Nxb Giáo dục Việt Nam)
6	Khoa học tự nhiên 6	Cao Cự Giác (Tổng chủ biên, kiêm Chủ biên), Phạm Thị Hương, Trần Thị Kim Ngân, Nguyễn Thị Nhị, Trần Ngọc Thắng	Chân trời sáng tạo (Nxb Giáo dục Việt Nam)
7	Lịch sử và Địa lí 6	Nguyễn Kim Hồng (Tổng chủ biên phần Địa lí), Hà Bích Liên (Chủ biên phần Lịch sử), Phạm Thị Bình (Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Trà My Mai Thị Phú Phương, Nguyễn Kim Tường Vy, Hà Văn Thắng, Nguyễn Hữu Bách, Huỳnh Phẩm Dũng Phát, Phan Văn Phú, Nguyễn Thị Kim Liên, Vũ Thị Bắc, Phạm Đỗ Văn Trung	Chân trời sáng tạo (Nxb Giáo dục Việt Nam)
8	Công nghệ 6	Bùi Văn Hồng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên), Trần Văn Sỹ	Chân trời sáng tạo (Nxb Giáo dục Việt Nam)

9	Âm nhạc 6	Hồ Ngọc Khải, Nguyễn Thị Tố Mai (Đồng Tổng chủ biên), Nguyễn Văn Hảo (Chủ biên), Lương Diệu Ánh, Nguyễn Đăng Bửu, Nguyễn Thị Ái Chiêu, Nghiêm Thị Hồng Hà, Trần Vĩnh Khương, Trần Đức Lâm, Phạm Gia Hoàng My, Lương Minh Tân	Chân trời sáng tạo (Nxb Giáo dục Việt Nam)
10	Mĩ thuật 6	Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Xuân Tiên (đồng Tổng chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên), Quách Thị Ngọc An, Nguyễn Dương Hải Đăng, Nguyễn Đức Giang, Phạm Ngọc Mai, Trần Đoàn Thanh Ngọc, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân	Chân trời sáng tạo (Nxb Giáo dục Việt Nam)
11	Giáo dục thể chất 6	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Lưu Trí Dũng (Chủ biên), Lê Minh Chí, Nguyễn Trung Kiên, Nguyễn Thiên Lý, Lâm Thanh Minh, Lê Văn Quan, Phạm Thái Vinh	Chân trời sáng tạo (Nxb Giáo dục Việt Nam)
12	Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp 6	Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng Chủ biên), Vũ Đình Bảy, Trần Thị Quỳnh Trang (đồng Chủ biên), Trần Minh Hoàng, Nguyễn Thị Bích Liên, Vũ Phương Liên, Trần Bảo Ngọc, Lại Thị Yến Ngọc, Vũ Thanh Thủy, Phạm Đình Văn	Chân trời sáng tạo (Nxb Giáo dục Việt Nam)
13	Tin học 6	Hồ Sĩ Đàm, Hồ Cẩm Hà, Nguyễn Đình Hóa, Phạm Thị Anh Lê, Nguyễn Thế Lộc, Nguyễn Chi Trung	Cánh diều (Nxb Đại học sư phạm)
14	Tiếng Anh 6 Friends Plus	Võ Đại Phúc (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Dương Hoài Thương	Nxb Giáo dục Việt Nam

## 2. Lớp 7

TT	Tên sách	Tên Tổng chủ biên/ Chủ biên	Bộ sách
1	Ngữ văn 7 tập 1	Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng chủ biên), Trần Lê Duy, Phan Mạnh Hùng, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Phan Thu Vân	Chân trời sáng tạo
	Ngữ văn 7 tập 2	Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng chủ biên), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy, Dương Thị Hồng Hiếu, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Ngọc Thúy	Chân trời sáng tạo

2	Toán 7 tập 1	Trần Nam Dũng (Tổng chủ biên), Trần Đức Huyền (chủ biên), Nguyễn Cam, Nguyễn Văn Hiến, Ngô Hoàng Long, Huỳnh Ngọc Thanh	Chân trời sáng tạo
3	Toán 7 tập 2	Trần Nam Dũng (Tổng chủ biên), Trần Đức Huyền (chủ biên), Nguyễn Cam, Nguyễn Văn Hiến, Ngô Hoàng Long, Huỳnh Ngọc Thanh	Chân trời sáng tạo
4	Tiếng Anh 7 Friends Plus	Trần Cao Bội Ngọc (Chủ Biên), Vũ vạn Xuân, Trần Nguyễn Thụy Thoại Lan	Nxb Giáo dục Việt Nam
5	Khoa học tự nhiên 7	Cao Cự Giác (Tổng Chủ biên, kiêm Chủ biên), Nguyễn Đức Hiệp, Tống Xuân Tám (đồng Chủ biên), Nguyễn Công Chung, Trần Hoàng Đương, Phạm Thị Hương, Phạm Thị Lịch, Trần Thị Kim Ngân, Trần Hoàng Nghiêm, Lê Cao Phan, Trần Ngọc Thắng, Nguyễn Tấn Trung.	Chân trời sáng tạo
6	Lịch sử - Địa lý 7	Hà Bích Liên, Mai Thị Phú Phương (đồng chủ biên phần Lịch sử); Trần Văn Nhân, Nguyễn Kim Tường Vy, Nguyễn Trà My, Hồ Thanh Tâm, Nguyễn Đức Hoà; Nguyễn Kim Hồng (Tổng chủ biên phần Địa lí); Phan Văn Phú, Mai Phú Thanh (đồng chủ biên phần Địa lí); Vũ Thị Bắc, Trần Ngọc Điệp, Nguyễn Hà Quỳnh Giao, Hoàng Thị Kiều Oanh, Huỳnh Phạm Dũng Phát, Phạm Đỗ Văn Trung.	Chân trời sáng tạo
7	Tin học 7	Quách Tất Kiên (Tổng chủ biên, kiêm chủ biên), Phạm Duy Phương Chi, Quách Tất Hoàn, Hồ Thị Hồng	Chân trời sáng tạo
8	Âm nhạc 7	Hồ Ngọc Khải, Nguyễn Thị Tố Mai (đồng Tổng chủ biên), Nguyễn Văn Hào (Chủ biên), Lương Diệu Ánh, Nguyễn Đăng Bửu, Trần Đức Lâm, Phạm Gia Hoàng My	Chân trời sáng tạo
9	Mỹ Thuật 7	Nguyễn Thị May (Tổng chủ biên), Hoàng Minh Phúc (Chủ biên), Trần Đoàn Thanh Ngọc, Lâm Yên Như	Chân trời sáng tạo 2
10	Giáo dục thể chất 7	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Cao Bá Cường, Bùi Hữu Đoàn, Bùi Thị Thu Hương, Kim Văn Vạn	Kết nối tri thức với cuộc sống
11	Công nghệ 7	Bùi Văn Hồng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên), Nguyễn Thị Hồng Chiêm, Nguyễn Tiên Lược, Quách Văn Thiêm, Nguyễn	Chân trời sáng tạo
12	Giáo dục công dân 7	Huỳnh Văn Sơn (Tổng chủ biên), Bùi Hồng Quân (Chủ biên), Đào Lê Hòa An, Trần Tuấn Anh, Nguyễn Thanh Huân, Đồ Công Nam	Chân trời sáng tạo

13	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7	Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (Đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Bích Liên (Chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên, Trần Bảo Ngọc, Trần Thị Quỳnh Trang, Phạm Đình Văn.	1	Chân trời sáng tạo
----	---------------------------------------	---	---	--------------------

### 3. Lớp 8

TT	Tên sách	Tên Tổng chủ biên/ Chủ biên	Bộ sách
1	Ngữ văn 8, tập một	Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy, Phan Mạnh Hùng, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Ngọc Thúy.	Chân trời sáng tạo
	Ngữ văn 8, tập hai	Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Dương Thị Hồng Hiếu, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Minh Ngọc, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Phan Thu	
2	Toán 8, tập một	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (đồng Chủ biên), Nguyễn Cam, Nguyễn Văn Hiến, Ngô Hoàng Long, Huỳnh Ngọc Thanh.	Chân trời sáng tạo
	Toán 8, tập hai	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (đồng Chủ biên), Nguyễn Cam, Nguyễn Văn Hiến, Ngô Hoàng Long, Huỳnh Ngọc Thanh.	
3	Tiếng Anh 8	Trần Cao Bội Ngọc (Chủ biên), Trần Kim Duyên, Trần Nguyễn Thụy Thoại Lan.	Friends Plus 8
4	Khoa học tự nhiên 8	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Đinh Quang Báo, Nguyễn Văn Khánh, Đặng Thị Oanh (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Đỗ Thị Quỳnh Mai, Lê Thị Phượng, Phạm Xuân Quế, Dương Xuân Quý, Đào Văn Toàn, Trương Anh Tuấn, Lê Thị Tuyết, Ngô Văn Vụ.	Cánh diều

5	Lịch sử - Địa lí 8	Nguyễn Kim Hồng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Phan Văn Phú (Chủ biên phần Địa lí), Trần Ngọc Điệp, Tạ Đức Hiếu, Hoàng Thị Kiều Oanh, Huỳnh Phẩm Dũng Phát, Phạm Đỗ Văn Trung; Hà Bích Liên (Chủ biên phần Lịch sử), Lê Phụng Hoàng, Nhữ Thị Phương Lan, Trần Việt Ngọc, Trần Văn Nhân, Nguyễn Văn Phụng, Hồ Thanh Tâm	Chân trời sáng tạo
6	Tin học 8	Quách Tất Kiên (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Hồ Thị Hồng, Quách Tất Hoàn, Đoàn Thị Ái Phương, Nguyễn Anh Quân, Đào Thị Thoa, Nguyễn Thanh Tùng.	Chân trời sáng tạo
7	Âm nhạc 8	Hồ Ngọc Khải, Nguyễn Thị Tố Mai (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hào (Chủ biên), Lương Diệu Ánh, Nguyễn Thị Ái Chiêu, Trần Đức Lâm, Lương Minh Tân.	Chân trời sáng tạo
8	Mỹ thuật 8	Nguyễn Thị May (Tổng Chủ biên), Hoàng Minh Phúc (Chủ biên), Nguyễn Văn Bình, Đào Thị Hà, Trần Đoàn Thanh Ngọc	Chân trời sáng tạo bản 2
9	Giáo dục thể chất 8	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Trần Mạnh Hùng; Nguyễn Thành Trung.	Kết nối tri thức với cuộc sống
10	Công nghệ 8	Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên), Nguyễn Thị Lương, Nguyễn Thị Thúy, Trương Minh Trí, Phạm Huy Tuấn.	Chân trời sáng tạo
11	Giáo dục công dân 8	Huỳnh Văn Sơn (Tổng Chủ biên), Bùi Hồng Quân (Chủ biên), Đào Lê Hòa An, Trần Tuấn Anh, Nguyễn Thanh Huân, Đỗ Công Nam, Cao Thành Tấn.	Chân trời sáng tạo
12	Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp 8	Đinh Thị Kim Thoa (Tổng Chủ biên), Lại Thị Yên Ngọc (Chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên, Nguyễn Thị Bích Liên, Trần Thị Quỳnh Trang, Phạm Đình Văn..	Chân trời sáng tạo bản 1

#### 4. Lớp 9

TT	Tên sách	Tác giả	Tổ chức, cá nhân
1	Ngữ văn 9, tập một Chân trời	Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần	Nhà xuất bản Giáo

TT	Tên sách	Tác giả	Tổ chức, cá nhân
	sáng tạo	Lê Duy, Dương Thị Hồng Hiếu, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Phan Thu Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 9, tập hai Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy, Dương Thị Hồng Hiếu, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Phan Thu Vân.	
2	Toán 9, tập một Chân trời sáng tạo	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (đồng Chủ biên), Nguyễn Văn Hiến, Ngô Hoàng Long, Huỳnh Ngọc Thanh, Nguyễn Đặng Trí Tín.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Toán 9, tập hai Chân trời sáng tạo	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (đồng Chủ biên), Nguyễn Văn Hiến, Ngô Hoàng Long, Huỳnh Ngọc Thanh, Nguyễn Đặng Trí Tín.	
3	Tiếng Anh 9 Friends Plus	Trần Cao Bội Ngọc (Chủ biên), Trần Kim Duyên, Trần Nguyễn Thụy Thoại Lan.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Khoa học tự nhiên 9 Chân trời sáng tạo	Cao Cự Giác (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Đức Hiệp, Tống Xuân Tám (đồng Chủ biên), Nguyễn Công Chung, Trần Hoàng Dương, Phạm Thị Hương, Trần Hoàng Nghiêm, Lê Cao Phan, Hoàng Vĩnh Phú, Nguyễn Tấn Trung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Lịch sử và Địa lí 9 Chân trời sáng tạo	Hà Bích Liên, Hồ Thanh Tâm (đồng Chủ biên phần Lịch sử), Lê Phụng Hoàng, Nhữ Thị Phương Lan, Nguyễn Trà My, Trần Viết Ngạc, Nguyễn Văn Phụng, Nguyễn Kim Tường Vy; Nguyễn Kim Hồng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Huỳnh Phẩm Dũng Phát (Chủ biên phần Địa lí), Trần Ngọc Điệp, Nguyễn Hà Quỳnh Giao, Tạ Đức Hiếu, Hoàng Thị Kiều Oanh, Trần Quốc Việt.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Tin học 9 Chân trời sáng tạo	Quách Tất Kiên (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Võ Tôn Minh Đăng, Hồ Thị Hồng, Nguyễn Tấn	Nhà xuất bản

TT	Tên sách	Tác giả	Tổ chức, cá nhân
		Phong, Đoàn Thị Ái Phương, Đào Thị Thoả, Nguyễn Thanh Tùng.	Giáo dục Việt Nam
7	Âm nhạc 9 Chân trời sáng tạo	Hồ Ngọc Khải, Nguyễn Thị Tố Mai (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hảo (Chủ biên), Lương Diệu Ánh, Nguyễn Thị Ái Chiêu, Trần Đức Lâm, Lương Minh Tân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Mỹ thuật 9 Chân trời sáng tạo bản 1	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Nguyễn Dương Hải Đăng, Đỗ Thị Kiều Hạnh, Nguyễn Đức Sơn, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Giáo dục thể chất 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Trần Mạnh Hùng, Nguyễn Thành Trung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Công nghệ 9- Định hướng nghề nghiệp Chân trời sáng tạo	Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên); Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên); Nguyễn Thị Lương, Phan Nguyễn Trúc Phương, Đào Văn Phượng, Nguyễn Phước Sơn, Nguyễn Thị Thúy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Công nghệ 9 - Mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà Chân trời sáng tạo	Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên); Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên); Nguyễn Thị Lương, Phan Nguyễn Trúc Phương, Đào Văn Phượng, Nguyễn Phước Sơn, Nguyễn Thị Thúy.	
11	Giáo dục Công dân 9 Chân trời sáng tạo	Huỳnh Văn Sơn (Tổng Chủ biên) Bùi Hồng Quân (Chủ biên), Đào Lê Hòa An, Trần Tuấn Anh, Nguyễn Thanh Huân, Đỗ Công Nam, Cao Thành Tấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12	Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp 9 Chân trời sáng tạo bản 1	Đinh Thị Kim Thoa (Tổng chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên (Chủ biên), Nguyễn Thị Bích Liên, Lại Thị Yến Ngọc, Trần Thị Quỳnh Trang, Phạm Đình Văn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

#### IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ GD&ĐT, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

- Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục: Nhà trường đạt KĐCL GD cấp độ 1 (giai đoạn 2020-2025) theo Quyết định số 1220-43/QĐ-SGDĐT ngày 14/5/2021.

- Hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục sau đánh giá để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên.

#### V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC:

Thực hiện nguyên lý giáo dục “Học đi đôi với hành, nhà trường gắn liền với xã hội, lí luận gắn liền với thực tiễn”. Trường THCS Hoàng Lê Kha đề ra và thực hiện kế hoạch, tổ chức đầy đủ các hoạt động giáo dục theo chương trình và kế hoạch do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Hoạt động đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá được đẩy mạnh nhằm nâng cao chất lượng. Việc bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu kém cũng được quan tâm đúng mức.

Các hoạt động ngoại khóa về văn nghệ, thể dục thể thao, giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cũng được thường xuyên tổ chức lồng ghép trong các chủ đề giáo dục ngoài giờ lên lớp của BGD-ĐT. Qua đó, chất lượng giáo dục của nhà trường đã có sự chuyển biến về mọi mặt: Tỷ lệ lên lớp thẳng, tỷ lệ học sinh giỏi, học sinh tiên tiến hằng năm đều tăng; học sinh giỏi các cấp mỗi năm đều tăng về số lượng và chất lượng.

Khối lớp	Số học sinh	Số lớp	Trong đó		
			HS nữ	HS dân tộc	HS khuyết tật
6	271	7	132	45	6
7	249	6	117	28	4
8	395	10	187	60	5
9	313	8	159	55	1
<b>Toàn trường</b>	<b>1228</b>	<b>31</b>	<b>595</b>	<b>188</b>	<b>16</b>

- Kết quả tuyển sinh lớp 6 năm học 2025-2026: 7 lớp/268 học sinh.

Chất lượng giáo dục- (sau kiểm tra lại) - Năm học 2024-2025 cụ thể

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
<b>I</b>	<b>Số học sinh chia theo KQRL</b>	<b>1186</b>	<b>253</b>	<b>399</b>	<b>315</b>	<b>219</b>
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1179 99.41	251 99.21	395 99.0	314 99.68	219 100.0
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	7 0.59	2 0.79	4 1.0	1 0.32	0 0.0
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0 0	0 0	0 0	0 0	0 0
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
<b>II</b>	<b>Số học sinh chia theo KQHT</b>	<b>1186</b>	<b>253</b>	<b>399</b>	<b>315</b>	<b>219</b>
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	578 48.74	134 52.96	182 45.61	163 51.75	99 45.21
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	435 36.68	89 35.18	143 35.84	117 37.14	86 39.27
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	171 14.41	30 11.85	72 18.04	35 11.11	34 15.53
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	2 0.16	0 0	2 0.5	0 0	0 0
<b>III</b>	<b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>	<b>1186</b>	<b>253</b>	<b>399</b>	<b>315</b>	<b>219</b>
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	<b>1184</b> <b>99.83</b>	253 <b>100.0</b>	397 <b>99.5</b>	315 <b>100.0</b>	219 <b>100.0</b>
A	Học sinh xuất sắc Tỷ lệ so với tổng số	183 15.43	44 17.39	59 14.79	54 17.4	26 11.87
B	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	395 33.31	90 35.57	123 30.83	109 34.6	73 33.33
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	5 0.42	2 0.79	3 0.75	0 0	0 0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	2 <b>0.16</b>	0 -	2 <b>0.5</b>	0 -	0 -
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	<b>9/29</b> <b>0.75/2.4</b>	1/4 0.39/1.58	6/11 1.5/2.75	1/9 0.31/2.85	1/5 0.45/2.28
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	<b>0</b>	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	<b>12</b> 1.01	2 0.79	3 0.75	2 0.63	5 2.28

<b>IV</b>	<b>Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi</b>					
1	Cấp Quận	7	0	0	0	7
2	Cấp tỉnh/thành phố	3	0	0	0	3
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
<b>V</b>	<b>Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp</b>	<b>219</b>				<b>219</b>
<b>VI</b>	<b>Số học sinh được công nhận tốt nghiệp</b>	<b>219</b>				<b>219</b>
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					
-	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)					
<b>VII</b>	<b>Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)</b>					
<b>VIII</b>	<b>Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)</b>					
<b>IX</b>	<b>Số học sinh nam/số học sinh nữ</b>	<b>602/584</b>	133/120	210/189	155/160	219/115
<b>X</b>	<b>Số học sinh dân tộc thiểu số</b>	<b>177</b>	28	61	54	34

- Năm học 2024- 2025 nhà trường có 02 học sinh ở lại lớp.
- Số học sinh được công nhận xét và công nhận tốt nghiệp: 219/219 đạt 100%
- Số học sinh được trúng tuyển vào THPT công lập: 156/219 HS (71,23%).

**VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH****1. Công khai chi tiết tài chính năm 2025****a. Nguồn ngân sách:**

<b>NỘI DUNG/NGUỒN CHI</b>	<b>CHI THƯỜNG XUYÊN</b>	<b>CHI KHÔNG THƯỜNG XUYÊN</b>
<b>DỰ TOÁN NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG (1)</b>	<b>120.737.222</b>	<b>749.235.979</b>
<b>DỰ TOÁN GIAO (2)</b>	<b>12.835.318.656</b>	<b>12.467.421.450</b>
<b>DỰ TOÁN BỔ SUNG (3)</b>	<b>- 48.000.000</b>	<b>493.600.000</b>
<b>DỰ TOÁN THU (1+2+3)</b>	<b>12.908.055.878</b>	<b>13.710.257.429</b>
<b>DỰ TOÁN CHI</b>	<b>12.061.222.895</b>	<b>12.077.476.178</b>
Lương theo ngạch, bậc	5.913.291.264	
Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	74.400.000	
Phụ cấp chức vụ	67.743.000	
Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	2.808.000	
Phụ cấp ưu đãi nghề	1.684.179.104	
Phụ cấp theo nghề, theo công việc	5.616.000	
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	802.751.846	
Phụ cấp khác	6.318.000	
Bảo hiểm xã hội	1.206.416.059	
Bảo hiểm y tế	212.897.007	
Kinh phí công đoàn	141.931.288	
Bảo hiểm thất nghiệp	70.965.678	
Các khoản đóng góp khác	35.482.838	
Chi khác	124.200.000	
Tiền điện	72.860.382	
Tiền nước	9.770.514	
Khoản công tác phí	20.700.000	
Thuê lao động trong nước	225.700.000	

Chi lập Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	829.915.149	
Chi lập Quỹ phúc lợi	262.806.464	
Chi lập Quỹ khen thưởng	124.487.272	
Chi lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	165.983.030	
Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ		780.061.880
Phụ cấp ưu đãi nghề		468.638.897
Chi khác		5.400.000
Nhà cửa		485.533.933
Chi mua hàng hóa, vật tư		256.097.545
Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ		1.317.240.000
Chi khác		8.106.355.523
Thưởng khác		658.148.400
<b>DỰ TOÁN CÒN LẠI</b>	<b>846.832.983</b>	<b>1.632.781.251</b>
<b>CHUYỂN SANG NĂM 2026</b>	<b>846.832.983</b>	<b>1.299.845.456</b>
<b>KINH PHÍ HỦY</b>		<b>332.935.795</b>

**b. Nguồn dịch vụ**

STT	NỘI DUNG/NGUỒN CHI	SỐ TIỀN
<b>I</b>	<b>NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG (1)</b>	<b>157.648.576</b>
<b>II</b>	<b>THU TRONG NĂM (2)</b>	<b>15.058.027.963</b>
<b>III</b>	<b>CHI TRONG NĂM (3)</b>	<b>15.074.676.189</b>
1	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	104.160.000
2	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	5.530.000
3	Phụ cấp khác	2.457.000
4	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	28.350.000
5	Bảo hiểm xã hội	141.657.600
6	Bảo hiểm y tế	24.998.400

7	Kinh phí công đoàn	16.665.600
8	Bảo hiểm thất nghiệp	8.332.800
9	Các khoản đóng góp khác	4.166.400
10	Chi khác	2.765.490.376
11	Tiền điện	127.926.698
12	Tiền nước	78.711.048
13	Tiền vệ sinh, môi trường	47.153.005
14	văn phòng phẩm	24.716.624
15	Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường truyền mạng	13.620.000
16	Phim ảnh; ấn phẩm truyền thông; sách, báo, tạp chí thư viện	8.345.000
17	Khoản điện thoại	4.800.000
18	Thuê chuyên gia và giảng viên trong nước	63.770.000
19	Thuê lao động trong nước	703.724.800
20	Chi phí thuê mướn khác	3.419.660.596
21	Đường điện, cấp thoát nước	25.692.916
22	Tài sản và thiết bị khác	9.647.277
23	Chi mua hàng hóa, vật tư	6.083.602.542
24	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	22.249.930
25	Chi khác	45.071.900
26	Chi các khoản phí và lệ phí	20.000
28	Nộp thuế	274.793.064
29	Trích CCTL	388.145.045
30	Trích quỹ PTSN	118.866.108
31	Trích quỹ phúc lợi	110.621.338
32	Trích quỹ khen thưởng	52.399.581
33	Trích quỹ bổ sung thu nhập	349.330.541
<b>IV</b>	<b>CHUYỂN SANG NĂM 2026 (1+2-3)</b>	<b>141.000.350</b>

**2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện hưởng chính sách xã hội năm học 2025-2026**

Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
Đối tượng được hưởng chế độ miễn giảm học phí	100% học sinh được miễn		
Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập: Theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ.	15	9.000.000	

**3. Công khai các khoản thu năm 2025-2026 và dự kiến năm học 2026-2027**

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Năm học 2025-2026</b>			
1	Tiền tổ chức dạy tăng cường tiếng anh	đồng	100.000	
2	Tiền tổ chức dạy tin học Quốc tế IC3	đồng	180.000	
3	Tiền tổ chức học bơi	đồng	330.000	
4	Tiền tổ chức học tiếng anh với người nước ngoài	đồng	200.000	
5	Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống	đồng	80.000	
6	Tiền tổ chức phục vụ quản lý và vệ sinh bán trú	đồng	330.000	
7	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	đồng	170.000	
8	Học phẩm	đồng	50.000	
9	Tiền suất ăn trưa bán trú	đồng	40.000	
10	Tiền nước uống	đồng	11.000	
11	Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu	đồng	26.520	
12	Sổ liên lạc điện tử	đồng	100.000	
13	Phần mềm học trực tuyến (K12 online)	đồng	100.000	



II	Năm học 2025-2026			
1	Tiền tổ chức dạy tăng cường tiếng anh	đồng	100.000	
2	Tiền tổ chức dạy tin học Quốc tế IC3	đồng	180.000	
3	Tiền tổ chức học bơi	đồng	330.000	
4	Tiền tổ chức học tiếng anh với người nước ngoài	đồng	200.000	
5	Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống	đồng	80.000	
6	Tiền tổ chức phục vụ quản lý và vệ sinh bán trú	đồng	330.000	
7	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	đồng	170.000	
8	Học phẩm	đồng	50.000	
9	Tiền suất ăn trưa bán trú	đồng	40.000	
10	Tiền nước uống	đồng	11.000	
11	Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu	đồng	26.520	
12	Sổ liên lạc điện tử	đồng	100.000	
14	Phần mềm học trực tuyến (K12 online)	đồng	100.000	

**4. Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc ngày 31/12/2025**

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
1	Số dư quỹ tiền mặt	đồng	0	
2	Số dư tiền gửi kho bạc	đồng	770.813.572	
3	Số dư tiền gửi tại ngân hàng	đồng	1.881.862.538	

**Nơi nhận:**

- Thông báo;
- Website của trường;
- Lưu: VT.



**HIỆU TRƯỞNG**

**Trần Quốc Đạt**